

Số: /BC-SGDĐT

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO

### Về quản lý thông tin bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ GVPT và CBQL CSGDPT của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa năm học 2020- 2021 (Báo cáo TEMIS<sup>1</sup>)

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GD&ĐT;
- Ban Quản lý Chương trình ETEP, Bộ GD&ĐT;
- Trường Đại học Vinh.

Thực hiện Công văn số 3356/BGĐT-NGCBQLGD ngày 20/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn đánh giá mầm non, giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (GV/CBQLCSGDPT) theo chuẩn năm học 2020- 2021, Công văn số 505/CV-ETEP về việc hướng dẫn triển khai xây dựng và công bố Báo cáo TEMIS, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả quản lý bồi dưỡng thường xuyên cho GV/CBQLCSGDPT với nội dung như sau:

#### PHẦN A:

### KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI GVPT VÀ CBQLCSGDPT THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

#### A.1. Kết quả đánh giá và xếp loại GVPT theo chuẩn nghề nghiệp

##### A.1.1. Kết quả GVPT hoàn thành đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số GVPT theo cấp học.

- Tình hình chung: Tổng số giáo viên đã được cấp tài khoản: 28,928 người, trong đó: nữ: 20,686 người, dân tộc thiểu số: 3,520 người, vùng khó khăn: 9,973 người.

- Số giáo viên đã hoàn thành đánh giá: 28,928 người (100%), trong đó: nữ: 20,686 người, dân tộc thiểu số: 3.250 người, vùng khó khăn: 9,973 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.1.1)*

<sup>1</sup> Bản trích xuất trên hệ thống TEMIS cập nhật lúc 8h ngày 24/12/2021.

**A.1.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung của GVPT theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT**

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức TỐT: 20524 người (70.95%), tăng 30.41% so với năm học 2019 - 2020, trong đó: nữ: 14872 người, dân tộc thiểu số: 1954 người, vùng khó khăn: 6471 người.

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức KHÁ: 7952 người (26.65%), giảm - 37.73% so với năm 2019 - 2020; trong đó: nữ: 5513 người, dân tộc thiểu số: 1435 người, vùng khó khăn: 3291 người.

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức ĐẠT: 448 người (1.55%), giảm - 33.33% so với năm 2019- 2020, trong đó: nữ: 297 người, dân tộc thiểu số: 131 người, vùng khó khăn: 210 người.

- Tổng số giáo viên đã được đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 4 người (0.01%), trong đó: nữ: 4 người, dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 1 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.1.2)*

**A.2. Kết quả đánh giá và xếp loại CBQLCSGDPT theo chuẩn hiệu trưởng**

**A.2.1. Kết quả CBQL hoàn thành tự đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số CBQL theo cấp học**

- Tổng số CBQL: 2,857 người, trong đó:

+ Hiệu trưởng: 1,284 người, nữ: 451 người, dân tộc thiểu số: 70 người, vùng khó khăn: 484 người.

+ Phó Hiệu trưởng: 1,573 người, nữ: 674 người, dân tộc thiểu số: 150 người, vùng khó khăn: 612 người.

- Tổng số CBQL đã được đánh giá: 2,857 người (100%), giảm 1,62% so với năm 2019 - 2020, trong đó:

+ Hiệu trưởng: 1,284 người, nữ: 451 người, dân tộc thiểu số: 70 người, vùng khó khăn: 484 người.

+ Phó Hiệu trưởng: 1,573 người, nữ: 674 người, dân tộc thiểu số: 150 người, vùng khó khăn: 612 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.2.1)*

**A.2.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung CBQL theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT**

- Tổng số CBQL đã được đánh giá ở mức TỐT: 2195 người (76.83%), tăng 20,1% so với năm 2019 - 2020, trong đó:

+ Hiệu trưởng: 1013 người (78.89%), nữ: 379 người, dân tộc thiểu số: 51 người, vùng khó khăn: 356 người.

+ Phó Hiệu trưởng: 1182 người (75.14%), nữ: 531 người, dân tộc thiểu số: 94 người, vùng khó khăn: 412 người.

- Tổng số CBQL đã được đánh giá ở mức KHẢ: 647 (22.65%), giảm 36,82% so với năm 2019 – 2020, trong đó:

+ Hiệu trưởng: 267 người (20.79%), nữ: 71 người, dân tộc thiểu số: 19 người, vùng khó khăn: 127 người.

+ Phó Hiệu trưởng: 380 người (24.16%), nữ: 139 người, dân tộc thiểu số: 53 người, vùng khó khăn: 193 người.

- Tổng số CBQL đã được đánh giá ở mức ĐẠT: 15 người (0.53%), giảm 70,59% so với năm 2019 - 2020, trong đó:

+ Hiệu trưởng: 4 người(0.31%), nữ: 1 người, dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 1 người.

+ Phó Hiệu trưởng: 11 người(0.7 %), nữ: 4 người, dân tộc thiểu số: 3 người, vùng khó khăn: 7 người.

- Tổng số CBQL đã được đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 0 (0%).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu A.2.2)*

## **PHẦN B: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

**B.1. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của giáo viên phổ thông về chương trình bồi dưỡng thường xuyên**

***B.1.1. Số lượng và tỷ lệ % GVPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số GV***

- Tổng số giáo viên tham gia học trực tuyến: 26,3342 người, trong đó: nữ: 18,593, dân tộc thiểu số: 3,277, vùng khó khăn: 9,325.

- Số giáo viên hoàn thành trả lời phiếu khảo sát: 26.226 (89.52%), trong đó: nữ: 18,518, dân tộc thiểu số: 3258, vùng khó khăn: 9278.

- Điểm trung bình tổng tất cả các Item là 3.30, trong đó tổng các Item từ 3.0 (không có mục nào dưới 2.5) là 24,784(94.5%).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu B1.1)*

***B.1.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng***

Item về **Sự sẵn có của chương trình bồi dưỡng trực tuyến** có điểm trung bình hài lòng cao nhất (**3.31**), Item về **Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS** có điểm trung bình hài lòng thấp nhất (**3.29**).

***B.1.2.1 Mức độ hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến***

Điểm trung bình hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến là 3.30. Tổng số điểm trung bình của tổng mục I từ 3.0 trở lên là **25222 (96.17%)**, trong đó: nữ: 17827, dân tộc thiểu số: 3139, vùng khó khăn: 8986.

### ***B.1.2.II Mức độ hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến***

Điểm trung bình hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến là 3,31. Tổng số điểm trung bình của tổng mục II từ 3.0 trở lên là **25234(96.22%)**, trong đó: nữ: 17844, dân tộc thiểu số: 3139, vùng khó khăn: 8963.

### ***B.1.2.III Mức độ hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT***

Điểm trung bình hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT là 3,30. Tổng số điểm trung bình của tổng mục III từ 3.0 trở lên là **25541(97.39%)**, trong đó: nữ: 18106, dân tộc thiểu số: 3177, vùng khó khăn: 9171.

### ***B.1.2.IV Mức độ hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học***

Điểm trung bình hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học là 3.30. Tổng số điểm trung bình của tổng mục IV từ 3.30 trở lên là **25486(97.18%)**, trong đó: nữ: 18021, dân tộc thiểu số: 3159, vùng khó khăn: 9044.

### ***B.1.2.V. Mức độ hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS***

Điểm trung bình hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS là 3.31. Tổng số điểm trung bình của tổng mục V từ 3.29 trở lên là **25394(96.83%)**, trong đó: nữ: 17970, dân tộc thiểu số: 3146, vùng khó khăn: 9017.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu B1.2)*

## ***B.2. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của CBQLCSGDPT về chương trình bồi dưỡng thường xuyên***

### ***B.2.1. Số lượng CBQLCSGDPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số CBQLCSGDPT***

- Tổng số CBQLCSGDPT tham gia học trực tuyến: 2,799, trong đó: nữ: 1,100, dân tộc thiểu số: 215, vùng khó khăn: 1,075.

- Số CBQLCSGDPT hoàn thành trả lời phiếu khảo sát: 2,786 (97.51%), trong đó: nữ: 1,195, dân tộc thiểu số: 215, vùng khó khăn: 1,075.

- Điểm trung bình tổng tất cả các item là 3.33, trong đó tổng các item từ 3.0 (không có mục nào dưới 2.5) là 2620 (94.4%)

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu B2.1)*

### ***B.2.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng***

Item về sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT có điểm trung bình hài lòng cao nhất (3.35); Item về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS có điểm trung bình hài lòng thấp nhất (3.32).

### ***B.2.2.I Mức độ hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến***

Điểm trung bình hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến là 3.34. Tổng số điểm trung bình của tổng mục I từ 3.0 trở lên là 2670 (95.84%), trong đó: nữ: 1055, dân tộc thiểu số: 202, vùng khó khăn: 1017.

### ***B.2.2.II Mức độ hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến***

Điểm trung bình hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến là 3.34. Tổng số điểm trung bình của tổng mục II từ 3.0 trở lên là 2677 (95.73%), trong đó: nữ: 1055, dân tộc thiểu số: 206, vùng khó khăn: 1009.

### ***B.2.2.III Mức độ hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT***

Điểm trung bình hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT là 3.35. Tổng số điểm trung bình của tổng mục III từ 3.0 trở lên là 2701 (95.95%), trong đó: nữ: 1069, dân tộc thiểu số: 205, vùng khó khăn: 1031.

### ***B.2.2.IV Mức độ hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học***

Điểm trung bình hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học là 3.33. Tổng số điểm trung bình của tổng mục IV từ 3.0 trở lên là 2692 (96.63%), trong đó: nữ: 1068, dân tộc thiểu số: 206, vùng khó khăn: 1028.

### ***B.2.2.V Mức độ hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS***

Điểm trung bình hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS là 3.32. Tổng số điểm trung bình của tổng mục V từ 3.0 trở lên là 2686 (96.41%), trong đó: nữ: 1064, dân tộc thiểu số: 204, vùng khó khăn: 1021.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu B2.2)*

## **PHẦN C:**

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CỦA GVPT VÀ CBQLCSGDPT THEO CÁC TIÊU CHÍ TRONG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG**

### **C.1. Nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá theo chuẩn**

#### ***C.1.1. Nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên***

- Tổng số giáo viên được đánh giá và xếp loại: 28,928.
- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí: Tiêu chí số 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc có tỷ lệ cao nhất (3774, chiếm 13.5 %); Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường có tỷ lệ thấp nhất (274, chiếm 0.95%).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.1)*

#### ***C.1.2. Nhu cầu bồi dưỡng của CBQLCSGDPT***

- Tổng số CBQLCSGDPT được đánh giá và xếp loại: 2,857.

- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí: Tiêu chí 17. Sử dụng ngoại ngữ là tiêu chí có tỷ lệ cao nhất (292, chiếm 10.22%); Tiêu chí 7. Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường có tỷ lệ thấp nhất (21, chiếm 0.74 %).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.1.2)*

## **C.2. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của giáo viên**

### **C.2.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên**

- Tổng số giáo viên đã tự đánh giá: 28,928.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục (5525 người, chiếm 19.1%).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2.1)*

### **C.2.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng**

- Trong hè: 28,928 người, trong đó 7186 người nhu cầu chung, trong đó nữ có 5,105 người, dân tộc thiểu số có 816 người, nữ dân tộc thiểu số có 511 người, công tác tại vùng khó 2,400 người.

- Trong học kỳ 1: 28,910 người, trong đó 2755 người nhu cầu chung, trong đó nữ có 1,810 người, dân tộc thiểu số có 313 người, nữ dân tộc thiểu số có 161 người, công tác tại vùng khó 926 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2.2)*

### **C.2.3. Điều kiện thực hiện**

- Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian (9300 người, chiếm 32.15 %).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.2.3)*

## **C.3. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của CBQL CSGDPT**

### **C.3.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của CBQL CSGDPT**

- Tổng số CBQL CSGDPT đã tự đánh giá: 2,857.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Sử dụng ngoại ngữ (635 người, chiếm 22.23 %).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3.1)*

### **C.3.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng**

- Trong hè: 2,857 người, trong đó 685 người nhu cầu chung, trong đó nữ có 2671 người, dân tộc thiểu số có 57 người, nữ dân tộc thiểu số có 2 người, công tác tại vùng khó 88 người.

- Trong kỳ 1: 2,857 người, trong đó 216 người nhu cầu chung, trong đó nữ có 81 người, dân tộc thiểu số có 20 người, nữ dân tộc thiểu số có 2 người, công tác tại vùng khó 88 người.

### **C.3.3. Điều kiện thực hiện**

- Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian (80 người, chiếm 28.3).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục, Biểu C.3.3)*

## **PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Số liệu báo cáo TEMIS của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa đã phản ánh được thực tế đánh giá GVPT và CBQL CSGDPT theo Chuẩn nghề nghiệp năm 2020-2021. Tỷ lệ đánh giá ở mức tốt có tăng cao so với năm 2020-2021, trong khi tỷ lệ ở mức đạt có giảm so với năm trước. Năm 2020-2021 là năm chỉ thực hiện tự đánh giá nên các kết quả chỉ mang tính tham khảo, tuy nhiên những hoạt động tích cực trong nâng cao chất lượng đội ngũ, đào tạo và bồi dưỡng của Sở/Phòng/Trường phổ thông đã tạo cho chất lượng GVPT và CBQL CSGDPT nâng lên đáng kể.

- GVPT và CBQL CSGDPT của tỉnh đã căn bản tham gia bồi dưỡng các mô đun về Chương trình GDPT mới trong khuôn khổ Chương trình ETEP và các loại hình bồi dưỡng hỗ trợ, có mức độ hài lòng cao với 5 Item về mô đun bồi dưỡng.

- Những nhu cầu mong muốn bồi dưỡng của giáo viên và nhu cầu thực tế trong báo cáo sẽ lãnh đạo Sở/Phòng/trường phổ thông phân tích để đáp ứng trong thời gian tới.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với chi nhánh Viettel Thanh Hóa cấp bổ sung tài khoản, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo và cán bộ phụ trách của Phòng Giáo dục và Đào tạo về cập nhật kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp và minh chứng lên hệ thống TEMIS. Sự đồng hành của Tập đoàn Viettel chi nhánh Viettel Thanh Hóa là một trong những nhân tố quan trọng để xây dựng cơ sở dữ liệu quan trọng này.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị triển khai bồi dưỡng và xây dựng báo cáo quản lý thông tin về bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông theo hình thức trực tuyến.

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trường trung học phổ thông quan tâm chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện các nội dung bồi dưỡng trực tuyến trên hệ thống LMS và tham gia ghi kết quả đánh giá trên hệ thống TEMIS theo đúng sự chỉ đạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác bồi dưỡng thường xuyên.

## **2. Tồn tại**

- Với số lượng giáo viên thuộc nhóm đông nhất cả nước, ở nhiều địa bàn khó khăn, điều kiện về cơ sở vật chất còn có hạn chế, việc đánh giá trên hệ thống TEMIS và tài minh chứng còn có những khó khăn nhất định.

- Việc luân chuyển cán bộ giáo viên, hợp đồng, nghỉ việc, về hưu có biến động hàng năm gây khó khăn cho công tác cập nhật dữ liệu. Còn một số giáo viên có nhiều hơn 01 tài khoản trên hệ thống TEMIS gây khó khăn cho việc tổng hợp.

## **3. Kiến nghị, đề xuất**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nâng cấp hoàn thiện hệ thống TEMIS để tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp của hiệu trưởng, giáo viên theo đúng Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT.

- Tập đoàn Công nghệ - Viễn thông Quân đội (Viettel) tiếp tục hỗ trợ, phối hợp ngành Giáo dục trong công tác tổ chức bồi dưỡng và quản lý thông tin bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên.

Trên đây là báo cáo quản lý thông tin bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa kính chuyển Bộ Giáo dục và Đào tạo; Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GD&ĐT; Ban Quản lý Chương trình ETEP, Bộ GDĐT; Trường Đại học Vinh xem xét và chỉ đạo để công tác bồi dưỡng thường xuyên của Sở đạt hiệu quả tốt hơn./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM, NV Sở;
- Website ngành;
- Lưu: VT, GDTrH, GDTH

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Thị Thanh**